

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



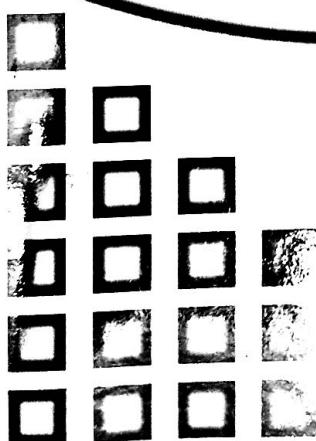
KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KỈ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC
CHO HỌC VIÊN CAO HỌC VÀ NGHIÊN CỨU SINH

NĂM HỌC 2016 - 2017



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC
CONTENTS

1. Nguyễn Thị Bé Ba, Nguyễn Kim Hồng, Đào Ngọc Cảnh

Phân tích ảnh hưởng của thu nhập đến an ninh lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long

Analysis of the effects of income on food security in the Mekong Delta..... 1

2. Trương Quốc Chánh

Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Tiền Giang

The reality and possible solutions to improving the living standard of Tien Giang people 13

3. Nguyễn Thị Oanh

Kinh tế tài nguyên đất ngập nước Vùng Đông Bắc huyện Hóc Môn, TPHCM – Thực trạng và định hướng phát triển

The Economics of Wetland Resources in the Northeast area of Hoc Mon district, Ho Chi Minh City – Reality and development orientation 24

4. Nguyễn Phú Thắng

Giải pháp chuyển đổi sản phẩm và loại hình du lịch tinh An Giang trong xu thế liên kết vùng

Solutions to upgrading and transforming tourism products and forms in An Giang province within the context of regional integration 33

5. Phạm Anh Vũ

Thực trạng khai thác thủy sản tỉnh Bình Định

The reality of aquatic products exploitation in Binh Dinh province 43

6. Nguyễn Thanh Sơn

Quản lý hoạt động tự học của sinh viên tại các trường đại học ngoài công lập phía Nam –

Thực trạng và giải pháp

Managing self-directed learning activites of students at non-public universities in the South of Vietnam: Reality and solutions 55

7. Lê Thị Uyên

Đổi mới quản lý hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành công nghệ thông tin dựa trên chuẩn đầu ra

Innovating the management of the assessment of Information Techonology students based on graduation requirements 64

8. Lữ Thị Hải Yến

Những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của đội ngũ giảng viên trường cao đẳng trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục

Quality and competence requirements of lecturers in colleges in the context of fundamental and comprehensive innovation of education 76

MỤC LỤC CONTENTS

19. Nguyễn Thị Ngọc Giàu

- Diễn ngôn nữ quyền nhìn từ chủ thể nam qua truyện ngắn “Dị Hương” của Sương Nguyệt Minh
Feminist discourse from the perspective of male subjects in Suong Nguyet Minh's 'Di Huong' short story 179

20. Đoàn Thị Ngọc

- Các dạng thức nhân vật trong truyện ngắn nữ Nam Bộ mười lăm năm đầu thế kỷ XXI
Character types in female short stories in Southern Vietnam in the first fifteen years of the 21st century 190

21. Lê Thị Nhiên

- Hồi ký cách mạng Việt Nam – một vài ghi nhận về đặc điểm thể loại
Vietnam's revolutionary memoir - a few comments on the genre 201

Tiếp cận văn bản ca dao trong nghiên cứu ca dao

- Approaching in studying folksong* 211

23. Quang Thị Mộng Chi

- Thực trạng nhận thức của vợ chồng trẻ về thai giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh
The reality of young spouses' preception of prenatal education in Ho Chi Minh City 222

24. Đào Thị Huệ

- Thực trạng kỹ năng quản lý cảm xúc của điện thoại viên Viettel
The reality of emotional management skills of Viettel telephone operators 232

25. Vũ Triết Minh

- Vers une classification des locutions figuratives en Français
About the classification of figurative phrases in French
Về việc phân loại các ngữ tượng hình trong tiếng Pháp 243

26. Cao Trần Tú Hải, Lê Anh Vũ, Dương Minh Thành

- Nhóm đối đồng điều thứ nhất và thứ hai của siêu đại số Lie toàn phương cơ bản
The first and second cohomological groups of elementary quadratic Lie superalgebras 252

27. Nguyễn Anh Tuấn, Lê Anh Vũ, Nguyễn Thị Mộng Tuyền, Nguyễn Thị Cẩm Tú

- Phân loại các đại số Lie thực, giải được có ideal dẫn xuất 2-chieu
Classifying all real solvable lie algebras having 2-dimensional derived ideals 266

28. Trương Vĩnh An, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Đình Phư

- Về sự tồn tại và duy nhất nghiệm của phương trình vi – tích phân giá trị khoảng dưới khă vi Hukuhara tổng quát có trẽ
On the existence and uniqueness of solution to delay interval – valued integro – differential equations under generalized Hukuhara differentiability 276

TIẾP CẬN VĂN BẢN CA DAO TRONG NGHIÊN CỨU CA DAO

TÓM TẮT

Nghiên cứu ca dao²⁸ luôn song hành với việc nghiên cứu văn bản ca dao. Việc miêu tả và diễn giải ca dao có quan hệ gắn bó với việc miêu tả, diễn giải văn bản ca dao. Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu các hướng tiếp cận văn bản ca dao trong thực tiễn nghiên cứu. Điều này có thể giúp ích cho việc làm rõ bản chất của ca dao và mở ra các hướng nghiên cứu mới.

Từ khóa: ca dao, văn bản, bối cảnh.

ABSTRACT

Approaching in studying folksong

The study of folksong always includes the study of folksong text. The description and explanation of folksong are inseparable from the description and explanation of folksong text. In this paper, we present new ways of approaching folksong text. We believe this may help in understanding folksong and open new ways in research.

Keywords: folksong, text, context.



1. Mở đầu

Việc nghiên cứu ca dao từ lâu đã được tiến hành để nhận diện và phục vụ việc bảo tồn các sản phẩm văn hóa tinh thần của con người. Nhưng vì ca dao, cũng như các di sản folklore khác, là một thực thể hết sức đa dạng và phức tạp của đời sống tinh thần con người nên việc nghiên cứu nó vẫn chưa đi đến tận cùng. Lịch sử nghiên cứu ca dao đã chỉ ra có nhiều quan niệm, hướng tiếp cận khác nhau về ca dao mà ở đó việc nhận diện, miêu tả và diễn giải ca dao phụ thuộc phần lớn vào việc nhận diện, miêu tả và diễn giải yếu tố văn bản của nó. Trong phần trình bày dưới đây, chúng tôi sẽ trình bày và phân tích một cách tổng thể một số hướng tiếp cận văn bản ca dao tiêu biểu. Điều này có thể giúp ích cho việc hình dung sự kế thừa và phát triển của khoa học nghiên cứu ca dao hiện nay đồng thời cũng lý giải được sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu

* NCS chuyên ngành Văn học Việt Nam – Khóa 2014 - 2018, Trường Đại học Sư phạm TPHCM;

Email: tvthinh@ctu.edu.vn

²⁸ Khái niệm “Ca dao” có nhiều cách hiểu khác nhau. Quan điểm phổ biến xem ca dao là phần tinh túy nhất của dân ca đã được lược bỏ đi tiếng đệm, luyến láy. Để phân biệt hiện tượng folklore này, người ta sử dụng khái niệm kép “Ca dao – dân ca” với hàm ý ca dao là phần thơ dân gian còn dân ca là khi phần thơ dân gian được hát lên. Thực tiễn nghiên cứu và sưu tầm trước đây phần lớn chỉ nhắm đến phần văn bản và đồng nhất nó với khái niệm đơn vị folklore. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm ca dao như một đơn vị folklore mà phần văn bản, thành tố ngữ văn của nó chính là “văn bản ca dao”. Khái niệm “văn bản ca dao” dường như đồng nhất với các di sản ca dao được sưu tầm hiện nay. Điều này đồng nghĩa với việc khái niệm “văn bản ca dao” gần đồng nhất với khái niệm “ca dao” trong các tư liệu sưu tầm đó.

ca dao như một sản phẩm tinh thần độc đáo cần được phục hồi và lưu giữ của con người.

2. Văn bản ca dao như chính thể nghệ thuật độc lập

Bắt đầu từ nửa đầu thế kỷ XX, các công trình nghiên cứu theo hướng tiếp cận văn bản của các học giả Xô Viết với những tên tuổi như Zirmunxki, Meletinxki, Propp, Riptin, Xakhanôp, Anhikin, Nôvicôva ... đã được giới thiệu ở Việt Nam. Các nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam đã tiếp nhận hướng tiếp cận này và đã đạt được nhiều thành tựu. Trong lĩnh vực nghiên cứu và sưu tầm ca dao (ca dao được hiểu là một thể loại folklore), các nhà nghiên cứu đôi khi đồng nhất ca dao với tư cách là một thể loại folklore với thành tố ngữ văn của nó là văn bản ca dao. Theo đó, văn bản ca dao chính là một chính thể nghệ thuật dân gian độc lập, là chính thể duy nhất của thể loại folklore. Việc sưu tầm và nghiên cứu ca dao chỉ cần dừng lại ở việc tập trung lưu giữ văn bản và tiếp cận văn bản. Quan niệm này đã tạo nên nhiều thuận lợi cho việc sưu tầm và nghiên cứu ca dao trong một thời gian dài. Đối với công tác sưu tầm điền dã, người sưu tầm dễ dàng tiếp cận được văn bản ca dao từ trí nhớ dân gian. Đối với các sinh hoạt ca dao đã mai một hoặc không còn tồn tại, việc sưu tầm văn bản cũng không mấy khó khăn khi có sự trợ giúp của các văn bản báo chí, tác phẩm văn học cổ hoặc tư liệu gia đình, cá nhân. Việc tái tạo và lưu trữ thể loại folklore này trở thành đơn giản qua việc ghi âm lời nói, sàng lọc tư liệu và văn bản hóa. Công tác quản lý, phục hồi và bảo tồn folklore ca dao cũng dễ dàng, đơn giản và ít tốn kém khi các văn bản này được in thành sách và lưu trữ trong các thư viện, trường học, trung tâm văn hóa... Hiện tại, chúng ta đã có hàng chục ngàn văn bản ca dao được lưu trữ dưới rất nhiều hình thức như sách chuyên ngành, chuyên đề, đề tài, tài liệu phục vụ học tập.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, quan niệm đồng nhất văn bản ca dao với ca dao cũng tạo ra nhiều thuận lợi cho nhà nghiên cứu trong việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Các nhà nghiên cứu folklore rất thuận lợi khi các tư liệu luôn có sẵn ở mức độ đủ để sử dụng, thậm chí được phân loại sẵn theo các tiêu chí phổ quát như nội dung, đề tài (gia đình, tình yêu, lao động...), theo địa phương (Nam bộ, Bắc bộ, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Đồng Tháp....). Hướng tiếp cận đó đã giúp cho việc nghiên cứu ca dao trở nên thuận lợi khi sự tiếp cận đối tượng nghiên cứu chỉ dừng lại ở các tư liệu văn bản được tích lũy từ quá khứ sưu tầm. Về hướng nghiên cứu, quan niệm xem văn bản ca dao như một chính thể nghệ thuật độc lập đã góp phần tạo nên hàng loạt những công trình nghiên cứu theo hướng thi học. Những công trình này đã góp phần làm sâu sắc hơn giá trị của văn bản folklore ở nhiều phương diện như ngôn ngữ, kết cấu, đề tài, chủ đề, công thức truyền thống, các biểu tượng, hình ảnh...

Xem ca dao như văn bản ca dao và văn bản là một chính thể nghệ thuật độc lập đã dẫn đến việc sử dụng kiểu mô hình phân tích ca dao phổ biến. Do đồng nhất ca dao với văn bản nên mô hình này thực chất là mô hình phân tích văn bản như một hệ thống. Hệ thống này gồm hai thành tố chính là nội dung và hình thức; trong từng thành tố nội dung và hình thức lại có các thành tố nhỏ hơn; các thành tố ở các cấp độ khác nhau

luôn tồn tại những mối quan hệ đặc thù. Thủ vận dụng mô hình phân tích này vào phân tích bài ca dao nghi lễ trong tác phẩm *Bắt sáu rìng U Minh Hạ*²⁹ của nhà văn Sơn Nam, chúng tôi có bảng sau:

Thành tố nghệ thuật					Thành tố nội dung		
Thể thơ	Ngôn ngữ	Kết cấu	Thủ pháp trong xây dựng hình tượng	Không gian – thời gian nghệ thuật	Đề tài	Chủ đề	Nội dung
Thể văn 4 âm tiết với cách gieo vần ở cuối câu, nhịp duy nhất là 2/2.	Giàu tính địa phương Nam Bộ với cách dùng từ và lối khẩu ngữ. Sử dụng đại từ “hòn” thể hiện tình cảm tâm linh trang nghiêm, có vẻ huyền bí.	Kết cấu khá dài, mang tính chất kể lể, trần thuật. Kết cấu trùng điệp với lối trần thuật thu hẹp dần các tầng bậc hình tượng.	Miêu tả trực tiếp. Cách thức này làm cho hình tượng những người chết oan hiện lên rõ nét, sinh động, chân thực nhưng cũng thể hiện tính ước lệ, khái quát.	Thời gian quy về hiện tại. Không gian vật lý nhập vào không gian tâm linh, huyền bí trở thành không gian thiêng.	Những lưu dân trong hành trình khai hoang mở đất phương Nam.	Nỗi oan – giải oan.	Cảm thông với cuộc sống đầy vất vả của những lưu dân và mong muốn giải oan cho họ được siêu thoát theo tinh thần tín ngưỡng dân tộc.

Bảng miêu tả trên là một cách tiếp cận văn bản theo hướng thi học có thể giúp các nhà nghiên cứu folklore đạt được một số mục đích nghiên cứu. Thứ nhất, việc xác định đầy đủ các yếu tố cấu thành văn bản như thể thơ, ngôn ngữ, kết cấu, thủ pháp... sẽ giúp ích cho mục đích miêu tả bài ca dao. Mục đích nghiên cứu này đạt được kết quả đến

²⁹ Trong *Bắt sáu rìng U Minh Hạ*, văn bản bài ca dao nghi lễ được nhà văn Sơn Nam đưa vào tác phẩm như sau:

*Hòn ở đâu đây?
Hòn ơi! Hòn hỡi!
Xa cây xa cối,
Xa cội xa hành,
Đầu bãi cuối gành
Hùm tha, sáu bắt
Bởi vì thắt ngặt
Manh áo chén cơm
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc!
Ta thương ta tiếc,
Lập dàn giải oan...*

mức độ nào chủ yếu thuộc vào khả năng nhận dạng, khám phá, phát hiện các thành tố có thể có của văn bản. Bảng miêu tả trên đã liệt kê được một số thành tố để giúp miêu tả bài ca dao nghi lễ nhưng như thế vẫn chưa thật sự đầy đủ khi chưa đề cập đến các công thức truyền thống, các cỗ mẫu... có thể có của văn bản. Điều này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến việc diễn giải tổng thể văn bản do sự thiếu vắng của một số thành tố trong hệ thống văn bản. Thứ hai, hướng tiếp cận thi học có thể giúp hướng đến mục đích diễn giải/lý giải ca dao thông qua việc nhận dạng mối quan hệ giữa các thành tố cũng như vai trò vị trí của từng thành tố/nhóm thành tố trong hệ thống văn bản. Trong Bảng miêu tả trên, nhà nghiên cứu cần chỉ ra mối quan hệ giữa các thành tố nghệ thuật và nội dung, mối quan hệ giữa các thành tố nội dung hoặc nghệ thuật với nhau, vai trò vị trí của từng thành tố trong ma trận các mối quan hệ. Kết quả phân tích đó chính là việc diễn giải văn bản ca dao theo hướng xem ngôn ngữ văn bản là trung tâm trong nghiên cứu folklore.

Bảng trên là sự cụ thể hóa một phần của mô hình phân tích cấu trúc một văn bản ca dao. Việc nghiên cứu nếu không dừng lại ở một văn bản mà được mở rộng để làm rõ hơn đặc điểm thể loại, tiểu loại ca dao thì người nghiên cứu có thể sử dụng kết hợp mô hình này với phương pháp thống kê và một số phương pháp khác để đạt mục tiêu nghiên cứu.

Có thể nói, quan điểm đồng nhất văn bản ca dao với ca dao như một thể loại folklore đã đạt được hàng loạt những thành tựu lớn. Mô hình phân tích trên phối hợp với phương pháp thống kê và một số phương pháp khác theo hướng thi học đã đem lại những ưu điểm không thể chối cãi cho ngành folklore học truyền thống.

3. Văn bản ca dao như chính thể nghệ thuật trong bối cảnh chung

Những năm gần đây, tạp chí Văn học và tạp chí Văn hóa dân gian cũng đã đăng nhiều bài viết giới thiệu phương pháp nghiên cứu folklore ở các nước phương Tây, trong đó có phương pháp tiếp cận theo hướng bối cảnh. Có thể kể đến một số bài viết tiêu biểu dưới đây:

Trong *Quan niệm mới về folklore và quá trình văn bản hóa folklore ở Hoa Kỳ* (tạp chí Văn hóa dân gian, số 4-1999) của Nguyễn Thị Hiền, cách tiếp cận diễn xướng được xem là đối tượng chính của bài viết. Tác giả đã nêu lên thực tế: “Trong suốt hơn 30 năm qua, ngành folklore học Hoa Kỳ đã chuyển hướng theo nghiên cứu folklore hiện đại, folklore như là một quá trình, là một hệ thống mang tính truyền thống. Thật sự, thuật ngữ folklore đã bắt đầu đi chệch nghĩa gốc của nó từ khi có quan niệm mới về folklore (như là một quá trình, trong ngữ cảnh và diễn xướng)” [4, tr.82].

Trong bài viết *Một số phương pháp nghiên cứu folklore ở Phương Tây* (tạp chí Văn hóa dân gian, số 3-2000), bên cạnh việc giới thiệu một số phương pháp nghiên cứu folklore như Phương pháp khôi phục lại lịch sử của anh em Grim, Phương pháp thần thoại Anh thế kỉ XIX của Max Muller, Tiến hóa luận của Edward Taylor, Andrew Lang, Phương pháp lịch sử - địa lý Phần Lan, Phương pháp nghiên cứu folklore theo hệ tư tưởng, Chức năng luận, Phân tâm học, Cấu trúc luận, tác giả Nguyễn Thị Hiền cũng

tiếp tục đề cập phương pháp tiếp cận folklore theo bối cảnh diễn xướng ở phương diện khái quát.

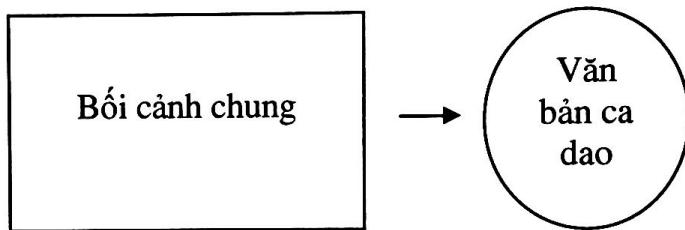
Trên tạp chí Văn học, số 7-2008, Trần Thị An có bài viết *Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif – Những khả thủ và bất cập*. Trong bài viết này, tác giả đã điểm qua một cách ngắn gọn về trường phái “bối cảnh” ở Hoa Kỳ, theo đó trường phái này cho rằng folklore vẫn tồn tại trong đời sống hôm nay, là biểu hiện rộng lớn của hành vi và văn hóa loài người; rằng văn bản chỉ là một yếu tố tham chiếu chứ không phải là toàn bộ tư liệu nghiên cứu, điều quan trọng là đời sống folklore đang tồn tại trong những điều kiện như thế nào.

Điểm chung của các nhà nghiên cứu folklore theo bối cảnh là nhấn mạnh yếu tố bối cảnh như bộ phận không thể tách rời khỏi văn bản, bối cảnh và văn bản như hai mặt của một tờ giấy. Đây là hướng nghiên cứu thể hiện sự phát triển không ngừng của ngành folklore học.

Không có mối quan hệ với các trào lưu nghiên cứu folklore mới, thậm chí là trước khi có sự xuất hiện trào lưu bối cảnh ở phương Tây như đã nêu ở trên, các nhà sưu tầm và nghiên cứu ca dao Việt Nam đã có những luận điểm đáng lưu ý về mối quan hệ giữa văn bản folklore và bối cảnh. Các nhà nghiên cứu Chu Xuân Diên, Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo... đã nhấn mạnh đến sự tồn tại và vai trò của bối cảnh trong việc giải thích những đặc điểm thi pháp văn bản ca dao và diễn giải ý nghĩa của nó. Trong *Kho tàng diễn xướng dân gian Việt Nam*, tác giả công trình khẳng định vai trò của bối cảnh diễn xướng như sau: “Chỉ một câu ca dao thôi; đọc một cách thông thường, chép nó lên trên giấy, ta chỉ hiểu được một phần tinh thần và nội dung của nó. Nó phải được ngâm, được hát, được đọc diễn cảm, hoặc đọc kèm theo với cái nháy mắt, cái gật đầu, cái trầm ngâm hay cái hào hứng của người đọc, thì đó mới là ca dao thực sự! “Ca dao”, đã ca thì phải ca chứ sao lại chỉ đọc và viết?” [6, tr.14-15]. Dù vậy, tuy nhấn mạnh sự quan trọng của bối cảnh như các nhà folklore mới, các nhà nghiên cứu Việt Nam cũng chỉ xem bối cảnh, nhất là bối cảnh chung (là một thành tố lịch sử của bối cảnh diễn xướng), chỉ đóng vai trò phụ trong thực thể thẩm mĩ tinh ca dao. Họ vẫn bảo lưu quan điểm lấy văn bản folklore làm trung tâm. Ứng dụng quan điểm này vào nghiên cứu ca dao, các nhà nghiên cứu đã thêm các yếu tố của bối cảnh chung vào mô hình phân tích văn bản ở trên. Đó là các yếu tố như hoàn cảnh văn hóa, xã hội, đặc điểm tính cách dân tộc học... Các yếu tố này được xem xét như những yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến cách hiểu văn bản ca dao. Chẳng hạn, để làm rõ hơn đặc điểm văn bản ca dao của từng địa phương, vùng miền, các nhà nghiên cứu đã dành một phần trong các công trình nghiên cứu, sưu tầm của mình để trình bày các đặc điểm khái quát về văn hóa, xã hội, chính trị, đặc điểm sinh hoạt, cư trú, lao động... Những công trình sưu tầm và nghiên cứu như Dân ca Hậu Giang, Dân ca Bến Tre, Dân ca Đồng Tháp, Ca dao Bạc Liêu, Ca dao Sóc Trăng... luôn luôn có một phần để miêu tả bối cảnh tồn tại của văn bản bên cạnh các văn bản được sưu tầm. Nói cách khác, quan điểm này đã bổ sung được các yếu tố ngoài văn bản vào việc giải thích tính chất, đặc điểm của văn bản

ca dao, cũng có thêm tính chính thể nghệ thuật của văn bản. Đây là một cố gắng lớn của các nhà nghiên cứu và sưu tầm trong việc tiếp cận ca dao như một thể loại folklore.

Dù vậy, điều đáng nói ở đây là các yếu tố của bối cảnh được xem như các yếu tố độc lập, nằm bên ngoài hệ thống các yếu tố văn bản. Chức năng của các yếu tố bối cảnh chỉ dừng lại ở việc làm rõ hơn tính chính thể của văn bản ca dao, giúp giải thích rõ hơn về những đặc trưng mang tính thể loại của văn bản. Các công trình nghiên cứu và sưu tầm theo hướng này đã cho thấy quan điểm của nhà nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn bản và bối cảnh khi chỉ miêu tả bối cảnh chung cho mọi văn bản ca dao được sưu tầm. Cách trình bày đó cho thấy các tác giả vẫn xem văn bản ca dao là trung tâm với tư cách là một chính thể nghệ thuật. Bối cảnh ở đây chủ yếu là bối cảnh lịch sử - văn hóa - xã hội với tư cách là điều kiện sản sinh, tồn tại và phát triển của các hình thức sinh hoạt, hoạt động diễn xướng của từng thể loại văn học dân gian, trong đó có ca dao. Bối cảnh dạng này chỉ là yếu tố phụ, độc lập và tồn tại bên ngoài chính thể nghệ thuật đó. Có thể mô hình hóa quan điểm tiếp cận văn bản này như sơ đồ dưới đây:



Dựa vào mô hình trên, chúng ta có thể thiết lập yếu tố bối cảnh chung của bài ca dao nghi lễ trong *Bắt sáu rìng U Minh Hạ* của Sơn Nam như sau:

Bối cảnh chung: Xã hội Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ 20 ở vùng đất phương Nam. Vùng đất U Minh Hạ đang dần hình thành với những lưu dân cố gắng khai phá vùng đất để sinh cơ lập nghiệp. Họ phải đối diện với nhiều tai họa mà thiên tai là một trong những tai họa chủ yếu. Nhiều lớp cha ông đã bỏ mình vì ròng thiêng nước độc, hùm tha sáu bắt trong hành trình miếng cơm manh áo. Nỗi lo sợ vì những hiểm nguy luôn gắn liền với cuộc đấu tranh với thiên nhiên giành lấy cuộc sống và tinh thần tri ân những người ngã xuống. Tình thần chung là sự kết nối các lớp người (sống/chết) vì những giá trị của cuộc sống mà họ là chủ nhân. Việc giải oan cho người chết oan là phong tục, tập quán, tín ngưỡng của con người nơi đây.

Bối cảnh chung được miêu tả như vậy sẽ là một yếu tố độc lập được nhà nghiên cứu folklore vận dụng để làm rõ ý nghĩa văn bản bài ca dao nghi lễ.

- Quan điểm về mối quan hệ giữa văn bản và bối cảnh như trên đã giúp ngành khoa học về folklore có những bước tiến mới, những thay đổi mới trong sưu tầm và nghiên cứu. Việc sưu tầm không còn đơn giản chỉ là ghi lại văn bản và sắp xếp, chinh lý, hệ thống văn bản mà còn bao gồm nhiệm vụ văn bản hóa bối cảnh chung, môi trường tồn tại của nó. Việc nghiên cứu cũng có nhiều nét mới khi hướng tiếp cận văn bản từ góc độ thi học được bổ sung thêm các hướng nghiên cứu mới của ngành văn hóa học,

xã hội học, dân tộc học. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về bối cảnh của văn bản vẫn còn nhiều hạn chế bởi bối cảnh chỉ được xem là yếu tố hỗ trợ, xuất hiện bên ngoài. Văn bản như một chính thể nghệ thuật độc lập và giữ vai trò trung tâm vẫn là quan điểm chỉ phôi các công trình nghiên cứu và sưu tầm ca dao này.

4. Văn bản ca dao như chính thể nghệ thuật trong bối cảnh tức thời

Sự ảnh hưởng của trào lưu bối cảnh trên đã dẫn đến nhiều thay đổi trong nghiên cứu ca dao. Tự bản thân hướng tiếp cận bối cảnh với tư cách như một phương pháp nghiên cứu có tính hệ thống tuy chưa đựng nhiều quan điểm khác nhau nhưng đều thống nhất ở chỗ nhấn mạnh tính cụ thể của bối cảnh. Nhóm các nhà nghiên cứu như Lauri Honko, Richard Bauman, Dan Ben-Amos... đã tập trung vào quan điểm xem folklore là sự kiện hoặc quá trình diễn xướng diễn ra trong một thời điểm cụ thể. Nói về quan niệm này, Charles W. Joyner đã nhận xét: “Hết lần này đến lần khác, người ta thường nhận thấy trong các tác phẩm của các nhà folklore theo hướng giao tiếp những mô tả về các sự kiện chỉ xảy ra ở một khoảng thời gian - không gian và các miêu tả về động lực cực nhỏ của diễn xướng folklore đúng vào một khoảng khắc cụ thể” [2].

→ Ứng dụng quan điểm này vào nghiên cứu thể loại ca dao, nhà nghiên cứu quan tâm đặc biệt đến các yếu tố của bối cảnh hẹp, cụ thể, tức thời như không gian diễn xướng, thời gian diễn xướng, tâm lý người diễn xướng, người tham dự, tình huống kích thích, khóa diễn xướng, tính emic - etic... Khi miêu tả ca dao như một hiện tượng folklore, yếu tố văn bản phải được miêu tả song hành với các yếu tố của bối cảnh tức thời. Điều đáng nói ở đây là quan điểm mới về folklore đã xác định các yếu tố của bối cảnh tức thời có mối quan hệ hữu cơ với chính thể văn bản chứ không phải là những yếu tố độc lập, ngoài văn bản. Văn bản dù có là chính thể nghệ thuật trung tâm hay không thì nó vẫn phải kết nối với các yếu tố bối cảnh tức thời như “hai mặt của một tờ giấy”. Câu ca dao không chỉ là văn bản mà còn là người diễn xướng, người nói, người nghe, tình huống, các phản ứng tâm lý, trải nghiệm... Nói cách khác, đối với ca dao, sự kiện hoặc quá trình diễn xướng ca dao trong thời gian thực mới thật sự là ca dao đúng nghĩa. Quan điểm này của các nhà folklore mới đã bổ sung mạnh mẽ cho hướng nghiên cứu ca dao truyền thống vốn đồng nhất ca dao với văn bản ca dao.

Quan điểm trên đã cho thấy những định hướng mới trong miêu tả và diễn giải ca dao. Theo đó, việc tiếp cận bắt cứ yếu tố nào trong mô hình ca dao cũng là tiếp cận các yếu tố khác và đều làm rõ được bản chất của ca dao. Văn bản ca dao không còn là mục đích duy nhất của nhà nghiên cứu như các quan niệm về văn bản đã nói ở trên. Xem folklore như một quá trình hiện thực, nghệ thuật và giao tiếp trong bối cảnh tức thời, mỗi yếu tố trong sự kiện diễn xướng ca dao có thể trở thành đối tượng nghiên cứu ngang hàng với các yếu tố khác. Việc nhận dạng, miêu tả và diễn giải các mối quan hệ, nhất là mối quan hệ giữa văn bản ca dao với các yếu tố khác trong diễn xướng đôi khi trở thành mục đích chính.

Quan điểm mới về folklore dẫn đến quan điểm mới về vai trò, vị trí và mối quan hệ của văn bản với bối cảnh tức thời. Điều này ảnh hưởng lớn đối với công tác sưu tầm

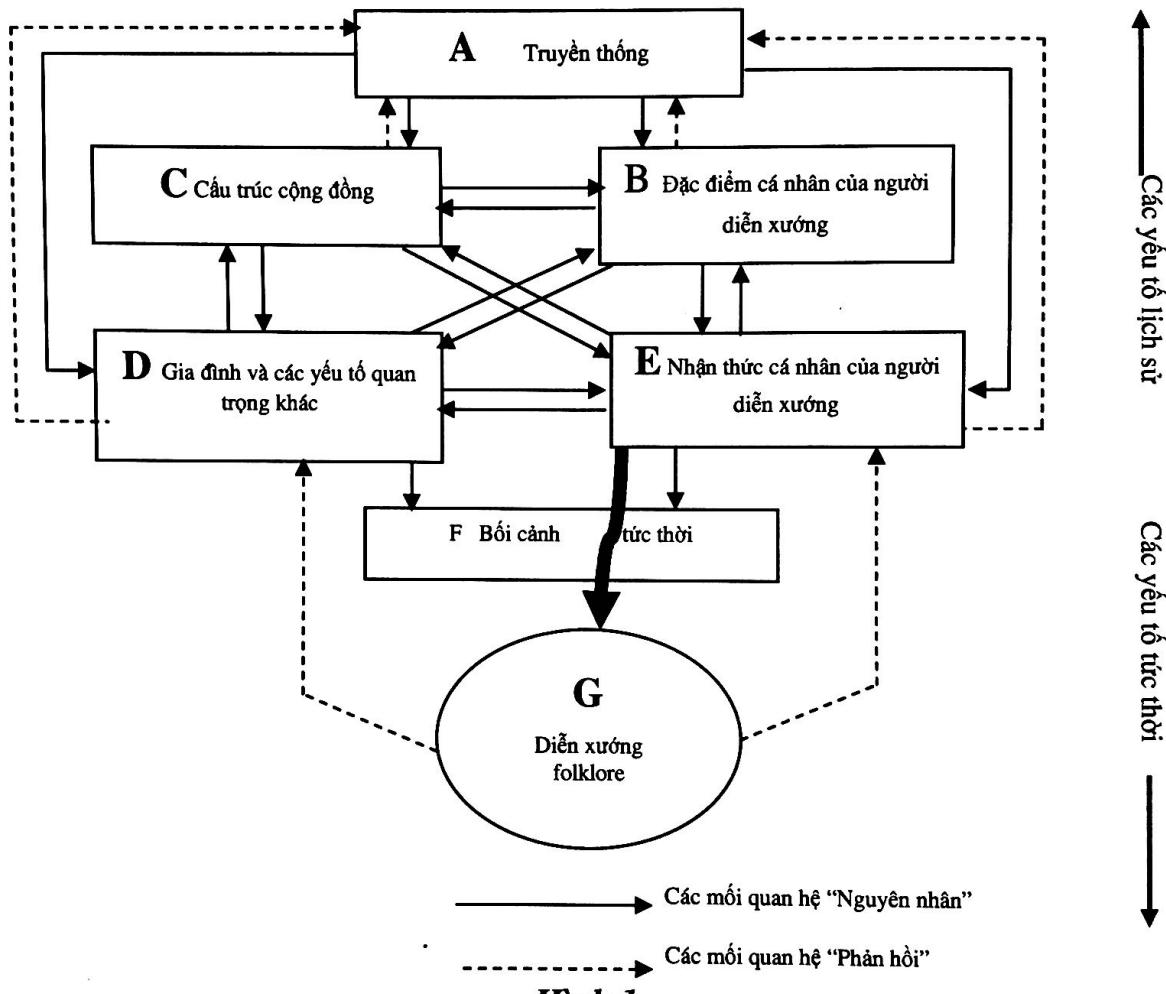
điền dã. Nhà sưu tầm ca dao phải xác định nhiệm vụ của mình là tiến hành các miêu tả nhân học về bối cảnh liên quan đến sự sử dụng, tiến trình và tính chất giao tiếp của ca dao trong những bối cảnh cụ thể. Từ yêu cầu đó, người sưu tầm phải sử dụng các kiến thức và phương pháp liên ngành bên cạnh các phương pháp folklore học truyền thống để tập hợp loại tư liệu có đặc điểm riêng. Loại tư liệu này phải chứa đầy đủ các thông tin về các thành tố của sự kiện diễn xướng ca dao và phải có đầy đủ thông tin nhân học về chủ thể trình diễn ca dao. Để có loại tư liệu này, người nghiên cứu phải sử dụng một số phương pháp đặc thù mang dấu ấn của ngành nhân học văn hóa, tâm lý học hành vi, xã hội học...

5. Văn bản ca dao như chỉnh thể nghệ thuật trong bối cảnh tức thời mang tính lịch sử

Các nhà nghiên cứu như Lauri Honko, Richard Bauman, Dan Ben-Amos... thông nhất quan điểm coi folklore là sự kiện hoặc quá trình diễn xướng diễn ra trong một thời điểm cụ thể mà ở đó văn bản chỉ có mối quan hệ chủ yếu với các yếu tố của bối cảnh tức thời. Quan điểm này đã nhận được nhiều tán thưởng, ủng hộ mà cụ thể là nhiều công trình nghiên cứu theo hướng này ra đời. Tuy vậy, khi nhấn mạnh bối cảnh tức thời, quan điểm này đã đề cao cực đoan hóa các yếu tố tức thời của sự kiện diễn xướng mà bỏ quên hoặc coi nhẹ yếu tố lịch sử - quá khứ của sự kiện diễn xướng. Người tiên phong trong quan niệm bảo vệ sự hiện hữu của các yếu tố lịch sử trong mô hình cấu trúc của một sự kiện diễn xướng là Charles W. Joyner. Trong nhiều công trình của mình, nhất là trong "*A Model for the Analysis of Folklore Performance in Historical Context*" [2], ông đã có những luận giải thuyết phục về sự tồn tại của bối cảnh lịch sử trong cấu trúc của sự kiện diễn xướng. Khi đề cập đến truyện kể dân gian, Charles W. Joyner cho rằng: "Vì sự kiện là một yếu tố biến đổi (biến tố) rất quan trọng trong nghiên cứu xã hội và bối cảnh xã hội là biến tố quan trọng trong việc nghiên cứu sự kiện kể chuyện nên có thể thấy việc nghiên cứu diễn xướng mà không có sự tham chiếu vào các phương diện lịch sử thì đều bao hàm một số lượng khó xác định những lí do vòng vèo nào đó" [2]. Dẫn một nhận định từ Abrahams, ông đồng tình với quan điểm của đồng nghiệp: "quan hệ giữa hình thức, thái độ và diễn xướng (hoặc là thực thể nghệ thuật, thực thể nhân tạo, và thực thể xã hội) có liên quan rất chặt chẽ, mật thiết với các giá trị đang thay đổi và các cơ cấu xã hội đang thay đổi" [2]. Có thể nói, những kiến giải của Charles W. Joyner và những người ủng hộ ông đã bổ sung thêm yếu tố bối cảnh lịch sử (có tính lịch sử) vào sự kiện diễn xướng, giúp mô hình về cấu trúc folklore đầy đủ và hợp lý hơn. Ông đưa ra mô hình phân tích diễn xướng như hình 1.

Vận dụng quan điểm trên của Charles W. Joyner và sơ đồ miêu tả các biến tố trong cấu trúc sự kiện diễn xướng của ông vào nghiên cứu ca dao, chúng ta có thể thiết lập mô hình một sự kiện diễn xướng ca dao mà ở đó văn bản ca dao được bổ sung các quan hệ mới từ các thành tố mang tính lịch sử như cấu trúc cộng đồng, gia đình, đặc điểm tính cách của người diễn xướng, nhất là yếu tố truyền thống. Điều này rất có ý nghĩa trong việc định hướng, mở rộng việc miêu tả, diễn giải ca dao như một thực thể

folklore. Hơn thế, việc tiếp cận văn bản ca dao cũng có những nét mới về chất khi khái niệm truyền thống (vốn gắn chặt với tính chất ổn định của văn bản folklore được sưu tầm) được xác định theo hướng vận động (chứ không phải đứng yên, bất biến như từng được quan niệm) và chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố của bối cảnh lịch sử.

**Hình 1**

6. Văn bản ca dao như yếu tố nghệ thuật trong chính thể nghệ thuật

Luận điểm trung tâm của các nhà folklore theo trào lưu bối cảnh xem folklore là một quá trình giao tiếp. Luận điểm đó đã dẫn đến những hướng tiếp cận và diễn giải văn bản folklore mới mẻ, đặc biệt là hướng tiếp cận nhân học, tâm lý học hành vi và hướng tiếp cận ngữ dụng học. Những hướng tiếp cận này đã đặt văn bản folklore vào ma trận các mối quan hệ trong mô hình cấu trúc của những lĩnh vực khoa học mới nhưng đôi khi khá xa với lĩnh vực nghệ thuật. Quan điểm của chúng tôi tán thành với các nhà folklore theo trào lưu bối cảnh về việc xem folklore không chỉ là quá trình giao tiếp mà còn là quá trình nghệ thuật. Tuy vậy, nếu xem xét sự kiện diễn xướng folklore, trong đó có ca dao, ở góc độ rộng của khái niệm nghệ thuật dân gian, thì sự kiện diễn xướng không chỉ là quá trình giao tiếp nghệ thuật (với văn bản như một chính thể nghệ

thuật trung tâm) mà sự kiện diễn xướng tự nó cần được xem là một chỉnh thể nghệ thuật duy nhất, không thể lặp lại. Nói cách khác, sự kiện diễn xướng chính là một tác phẩm nghệ thuật dân gian duy nhất xuất hiện trong thời gian thực cụ thể của đời sống dân gian. Việc xem sự kiện diễn xướng ca dao như một chỉnh thể nghệ thuật chứ không chỉ là quá trình giao tiếp nghệ thuật là hoàn toàn có lý bởi nhiều lý do. Nếu như họa sĩ vẽ một bức tranh, nhà thơ sáng tác một bài thơ mà bản chất nghệ thuật ở đây là chủ thể sáng tạo đã kiến tạo nên thế giới nghệ thuật mang tính thẩm mỹ thì sự kiện diễn xướng ca dao cũng kiến tạo một thế giới nghệ thuật với sự tham gia của toàn bộ các thành tố của sự kiện diễn xướng đó. Chỉ có điều, nếu bức tranh hay bài thơ tồn tại độc lập với chủ thể sáng tạo và đối tượng tiếp nhận thì ở đây chủ thể sáng tạo, đối tượng tiếp nhận đã hòa nhập làm một. Sự kiện diễn xướng, với tính chất là một chỉnh thể nghệ thuật, đã tạo ra một trường thẩm mỹ đặc biệt mà mọi yếu tố tham gia vào sự kiện đó đều đóng nhiều vai: vừa là yếu tố cấu thành chính thể nghệ thuật vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là đối tượng tiếp nhận. Yếu tố cấu thành phương thức sáng tạo chính thể nghệ thuật này là “truyền thống” cũng mang tính nước đôi như các yếu tố khác. Trong thế giới nghệ thuật đặc biệt này, các chức năng và vai trò của từng yếu tố bị chi phối bởi nhiều quy luật nhưng quan trọng nhất là quy luật của trường thẩm mỹ. Trường thẩm mỹ có chức năng thu hút mọi yếu tố bên ngoài vào sự kiện diễn xướng và sắp xếp, điều chỉnh các yếu tố trong ma trận các quan hệ để tạo nên một chỉnh thể nghệ thuật độc đáo. Đến lượt nó, chỉnh thể nghệ thuật folklore lại tái tạo và duy trì trường thẩm mỹ folklore. Chỉnh thể nghệ thuật này sẽ có những yếu tố cấu thành từ các thành tố của bối cảnh tức thời, bối cảnh lịch sử như không gian, thời gian, người tham dự, người diễn xướng, tình huống khởi đầu, tình huống dẫn xuất, tình huống kết thúc, khóa diễn xướng, emic, etic... Thông thường, các yếu tố này phát sinh tính thẩm mỹ nhờ vào quá trình nội tâm hóa ở người diễn xướng và người tham dự trong sự ảnh hưởng qua lại với trường thẩm mỹ của sự kiện diễn xướng.

Quan điểm xem sự kiện diễn xướng ca dao như một chỉnh thể nghệ thuật, một tác phẩm nghệ thuật theo nghĩa rộng như trên đã đặt ra vấn đề tiếp cận và diễn giải văn bản ca dao trong chỉnh thể đó. Nếu xem văn bản ca dao là một chỉnh thể nghệ thuật, thì trong mối quan hệ với sự kiện diễn xướng, mối quan hệ đó được xem là chỉnh thể trong chỉnh thể. Trong trường hợp này, chỉnh thể ca dao trở thành một yếu tố nghệ thuật trong chỉnh thể nghệ thuật lớn hơn. Và vì văn bản ca dao là một yếu tố của chỉnh thể nghệ thuật nên mối quan hệ của nó với các yếu tố khác và với tổng thể là kiểu quan hệ nghệ thuật. Nhận thức được vấn đề này sẽ giúp cho việc miêu tả và diễn giải văn bản ca dao và ca dao gần hơn với lĩnh vực nghệ thuật, tránh được các hướng diễn giải folklore xa rời bản chất thẩm mỹ vốn có của nó.

7. Kết luận

Trong nghiên cứu ca dao (với tư cách như một thể loại folklore), việc miêu tả, diễn giải ca dao luôn gắn liền việc nhận diện văn bản ca dao, miêu tả và diễn giải yếu tố này. Từ thực tiễn nghiên cứu ca dao, chúng tôi nhận thấy các quan niệm khác nhau về folklore, trong đó có ca dao, đã dẫn đến sự khác nhau trong tiếp cận văn bản ca dao. Tùy theo quan niệm, văn bản ca dao có khi được xem là đồng nhất với ca dao, có khi chiếm vị trí trung tâm, có khi trở thành một yếu tố ngang hàng với các yếu tố khác trong một chinh thể lớn hơn. Quan hệ của văn bản ca dao với các yếu tố khác (nếu có) cũng luôn thay đổi tùy theo hướng tiếp cận của nhà nghiên cứu. Sự khác biệt trong nhận diện, miêu tả và diễn giải văn bản ca dao như thế có thể dẫn đến nhiều phức tạp và khó khăn trong tiếp cận thể loại folklore này nhưng nó cũng phản ánh sự kế thừa, phát triển của khoa học folklore. Việc phát hiện hoặc phát kiến ra các hướng tiếp cận mới đối với văn bản ca dao sẽ còn cần thiết vì vận mệnh phát triển của khoa học folklore, đồng thời cũng phản ánh được giá trị của ca dao như một di sản đáng để bảo tồn và nghiên cứu.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (2008), “Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif – Những khía cạnh và bất cập”, *Tạp chí Văn học* (7).
2. Charles W. Joyner (1975), “A Model for the Analysis of Folklore Performance in Historical Context”, *The Journal of American Folklore* Vol. 88, No. 349 (Jul. - Sep), pp. 254-265 do American Folklore Society xuất bản. Truy cập tại địa chỉ: <http://www.jstor.org/stable/538886>.
3. Chu Xuân Diên (2008), *Nghiên cứu văn hóa dân gian – phương pháp, lịch sử, thể loại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hiền (1999), “Quan niệm mới về folklore và quá trình văn hóa hóa folklore ở Hoa Kì”, *Tạp chí Văn hóa dân gian* (4).
5. Nguyễn Thị Hiền (2000), Một số phương pháp nghiên cứu folklore ở phương Tây”, *Tạp chí Văn hóa dân gian* (3).
6. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo (1997), Kho tàng diễn xướng dân gian Việt Nam, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Sơn Nam (2003), Hương rừng Cà Mau, NXB Trẻ, TPHCM.
8. Vũ Ngọc Phan (1994), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (2005), *Folklore – một số thuật ngữ đương đại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (2005), *Folklore thế giới - một số công trình nghiên cứu cơ bản*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.